

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám.

2. Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N, sinh năm 1992; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Trương Văn Minh C - Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 21/7/2022, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Trương Văn Minh C kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Nhị Mỹ, Thị xã C) theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2012, quyền số 01/2011 ngày 19/6/2012. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, do mâu thuẫn

trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, vợ chồng không hòa giải hàn gắn được. Chị yêu cầu Tòa án xét xử cho chị ly hôn với anh C.

- Về con chung: có 02 con chung, tên Trương Trọng N1 sinh ngày 05/4/2013 và cháu Trương Thị Ngân T sinh ngày 21/02/2016. Sau khi ly hôn Chị N yêu cầu giao chị nuôi dưỡng cháu Trương Thị Ngân T sinh ngày 21/02/2016, giao cho anh C nuôi dưỡng Trương Trọng N1 sinh ngày 05/4/2013. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/11/2022, sau khi thỏa thuận với anh C chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2023, Chị N xin thay đổi số tiền cấp dưỡng nuôi con với số tiền 750.000 đồng/tháng/01 con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Văn Minh C thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của Chị N, anh C đồng ý giao cho Chị N nuôi 02 con chung, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con như Chị N yêu cầu với lý do hiện tại kinh tế anh gặp khó khăn.

Về tài sản chung, nợ chung anh C thống nhất với lời trình bày của Chị N, không có yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự trình bày, tranh luận:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và đồng ý giao 02 con chung cho Chị N nuôi dưỡng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/tháng/cháu, bị đơn không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và nuôi con chung giữa Chị N và anh C, giao cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Trương

Trọng N1 sinh ngày 05/4/2013 và cháu Trương Thị Ngân T sinh ngày 21/02/2016. Buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Trương Trọng N1 sinh ngày 05/4/2013 và cháu Trương Thị Ngân T sinh ngày 21/02/2016 theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Văn Minh C, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy anh Trương Văn Minh C có địa chỉ: Khu phố C, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Chị N và anh Trương Văn Minh C kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, Thị xã C) theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2012, quyền số 01/2011 ngày 19/6/2012.

Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, gia đình và vợ chồng không hòa giải hàn gắn được. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa Chị N và anh C thống nhất thuận tình ly hôn xét thấy việc tự nguyện của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về quan hệ con chung: Chị N và anh C có 02 con chung tên Trương Trọng N1 sinh ngày 05/4/2013 và cháu Trương Thị Ngân T sinh ngày 21/02/2016. Chị N và anh C thống nhất giao cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị N yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 750.000 đồng/tháng/1 con, anh C không đồng ý với yêu cầu của Chị N. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”. Trường hợp cha, mẹ ly hôn khi con chưa đủ 18 tuổi, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ phải chi trả tiền cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con cho đến khi con trưởng thành, do đó anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con chung trưởng thành và tự nuôi sống bản thân, do các bên chưa thỏa thuận được số tiền phải cấp dưỡng và cũng không chứng minh được thu nhập

thường xuyên của anh C, do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Chị N với số tiền 750.000 đồng/tháng/01 con là phù hợp và buộc anh Chuyên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền tiền 750.000 đồng/tháng/01 con, phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/4/2023).

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh C khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh C khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, anh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N với anh Trương Văn Minh C.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Chị N anh C, giao 02 con chung tên Trương Trọng N1 sinh ngày 05/4/2013 và cháu Trương Thị Ngân T sinh ngày 21/02/2016 cho chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, hiện Chị N đang nuôi dưỡng trực tiếp được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trương Văn Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Trương Trọng N1 sinh ngày 05/4/2013 và cháu Trương Thị Ngân T sinh ngày 21/02/2016 mỗi tháng 1.500.000 đồng/02 cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 4/2023 cho đến khi hai cháu Trương Trọng N1, Trương Thị Ngân T tròn 18 tuổi.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân:

Chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 300.000 đồng, Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo biên lai thu số 0002631 ngày 03/10/2022. Xem như Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trương Văn Minh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng, anh C có nghĩa vụ đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang để nộp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Trần Lâm Hồng N và anh Trương Văn Minh C được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
 - VKSND thị xã C;
 - CCTHADS TX Cai Lậy;
 - Phòng Tư pháp thị xã C;
 - UBND phường Nhị Mỹ;
 - UBND xã Phú Cường;
 - UBND Phường 3;
 - Các đương sự
 - Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.
- HNST-2023-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp